

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày 10 -3 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Diễn;

2. Ông Phạm Ngọc Túy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 02 năm 2022, đối với:

Các bị cáo:

1. Trần Văn S sinh ngày 05/10/2000; tại: Huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn A Sào, xã T, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được và bà: Trần Thị H sinh năm 1959; vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: thuộc hộ nghèo

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

2. Nguyễn Văn H sinh ngày 23/9/2001, tại: Huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và bà: Nguyễn Thị H sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tháng 02/2019 tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 02/2021 xuất ngũ về địa phương

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Ông Lưu Kim S sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường H, quận Đ, Thành phố H Phòng

Người đại diện theo quyền của bị hại: Ông Đinh Văn T sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố số 13, thị trấn An Bài, huyện P, tỉnh Thái Bình

- Bà Nguyễn Thị H 2 sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, ông T và bà H2; vắng mặt bà H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn S và Nguyễn Văn H là bạn bè, không có việc làm và thu nhập ổn định. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/11/2021, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ware Alpha màu trắng, biển kiểm soát 17B5-444.69 của mẹ là bà Nguyễn Thị H2, đến quán Internet D do bà Nguyễn Thị H3 sinh năm 1971, trú tại tổ X thị trấn B, huyện P làm chủ để chơi game thì gặp S ở quán liền ngồi chơi cùng S. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, S nói với H “*Có đi làm không*”. H hiểu ý S rủ đi lang thang xem nhà ai sơ hở thì trộm cắp nên H đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô chở S đến khu vực tổ B, thị trấn B thì dừng lại ở gần cột điện theo sự chỉ dẫn của S. S xuống xe lấy tại cột điện 01 chiếc xà cày bằng kim loại dài khoảng 70cm, một đầu tày, một đầu bẹt và 01 chiếc đục bằng kim loại dài khoảng 25cm một đầu tày, một đầu nhọn dùng làm công cụ để trộm cắp tài sản (xà cày và đục do S nhặt được ở đường và vứt vào chân cột điện từ trước). H tiếp tục điều khiển xe chở S cầm xà cày, đục ngồi sau đi từ thị trấn B ra đường Quốc lộ 10, đi về hướng xã L, huyện P. Khi đi đến khu vực V thuộc Thôn B, xã L, H nói với S “*Đi vào đền B xem có gì không để lấy*

trộm”, S đồng ý. Đến khu vực trước cổng đền Quan Đệ Nhất thuộc Thôn B (do ông Lưu Kim S là thủ nhang), cả hai xuống xe đi vào phía cổng phụ, cùng nhau dùng xà cày cạy bung khuy cửa cánh cổng nách, đi vào trong đền tìm kiếm tài sản. Quan sát thấy trên nền nhà, cách cửa chính khoảng 02 mét có đặt 01 hòm công đức bằng kim loại - loại kết Việt Tiệp nhãn hiệu Trump Safe hình hộp có kích thước (52x37x80) cm, cả 02 khiêng kết sắt ra ngoài, đặt lên yên xe mô tô để H điều khiển xe, S ngồi sau giữ kết đi đến đoạn đường cánh đồng thuộc địa phận Thôn B, xã L, cách đền khoảng 200 mét thì dừng lại, khiêng kết sắt đặt xuống đường bê tông, dùng xà cày, đục cạy mở cửa kết thì thấy trong kết có nhiều tờ tiền, mệnh giá lớn nhất là 500.000 đồng, nhỏ nhất là 1.000 đồng. Cả hai vơ hết số tiền trong kết bỏ vào áo khoác màu đen của H rồi khiêng chiếc kết vứt xuống ruộng nước cạnh đó. H tiếp tục điều khiển xe chở S ngồi ôm áo khoác đựng tiền đi đến nhà văn hóa thôn V, xã VA thì xuống xe, bỏ tiền ra kiểm đếm được 11.860.000 đồng, chia nhau mỗi người được 5.930.000 đồng. Sau đó, H điều khiển xe chở S về thị trấn B rồi ai về nhà nấy. Số tiền trộm cắp được S đi thị trấn B mua 01 chiếc xe đạp mini, màu S xanh giá 1.600.000 đồng; 01 quần dài màu đen, 01 áo thun đồng màu trắng, có mũ; 01 áo thun đồng màu xám, có mũ với tổng giá trị 900.000 đồng. H dùng toàn bộ số tiền 5.930.000 đồng trộm cắp được chi tiêu cá nhân hết, không mua tài sản, đồ vật gì.

Ngày 17/11/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 chiếc kết sắt đựng tiền công đức, loại Việt Tiệp nhãn hiệu Trump Safe hình hộp có kích thước (52x37x80)cm có giá trị 1.300.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo S chưa bồi thường cho bị hại khoản tiền nào. Bị cáo H đã bồi thường cho bị hại số tiền 6.580.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại Ông Đinh Văn T khai: Ông xác nhận thời gian, tài sản mà bị hại đã bị mất. Ông xác nhận bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bị hại số tiền 6.580.000 đồng, còn bị cáo S chưa bồi thường cho bị hại khoản tiền nào. Về trách nhiệm dân sự ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, được đòi trừ đi số tiền mà bị cáo H đã bồi thường. Về trách nhiệm hình sự ông đề nghị: giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H, giải quyết theo quy định của pháp luật đối với bị cáo S.

Tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị H2 khai: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn H. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ware Alpha màu trắng, biển kiểm soát 17B5-444.69 là tài sản của bà, bà không biết H điều khiển đi trộm cắp tài sản. Bà đã nhận lại chiếc xe và chiếc điện thoại của bị cáo do Công an huyện trả lại. Bị cáo đã tác động bà để bồi thường số tiền 6.580.000 đồng cho bị hại, số tiền bồi thường này bà và bị cáo tự giải quyết với nhau, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKSQP ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Trần Văn S và Nguyễn Văn H tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Văn S và Nguyễn Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 50, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: áp dụng thêm b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo H: xử phạt bị cáo S từ 09 đến 12 tháng tù, xử phạt bị cáo H từ 08 đến 10 tháng tù, thời hạn tù đối với các bị cáo tính từ ngày bắt tạm giam 19/11/2021;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự: các bị cáo pH có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Ông Đinh Văn Tsố tiền 13.160.000 đồng, kỷ phần mỗi bị cáo là 6.580.000 đồng. Bị cáo H đã bồi thường xong;

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe đạp mini, màu S xanh thu giữ của bị cáo S; tịch thu tiêu hủy 01 quần dài màu đen, 01 áo thu đông màu trắng, có mũ và 01 áo thu đông màu xám thu giữ của bị cáo S, 01 áo khoác đen có mũ thu giữ của H và 01 kết sắt.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;; Điều 23, Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Trần Văn S phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo S thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo S.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận do nghiện game không có tiền chi tiêu nên các bị cáo đã đi trộm cắp tài sản. Các bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, các bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 12/11/2021, tại đề Quan Độ Nhất khuôn viên đền B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Bình do ông Lưu Kim S làm thủ nhang, các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Văn S đã có hành vi trộm cắp 01 kết sắt giá trị 1.300.000 đồng, bên trong có số tiền 11.860.000 đồng, tổng số tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị 13.160.000 đồng sau. Các bị cáo chia đôi số tiền 11.860.000 đồng để chi tiêu, S mua xe đạp mini 1.600.000 đồng, quần áo 900.000 đồng, số tiền còn lại chi tiêu cá nhân hết; còn bị cáo H không mua tài sản gì mà chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”,

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội tự phát, các bị cáo đều là người thực hành nhưng cũng cần thấy được vai trò của từng bị cáo để lên một mức án tương xứng với vai trò của các bị cáo. Trước khi phạm tội, các bị cáo không bàn bạc phân công lên kế hoạch thực hiện tội phạm hay thống nhất cách thức, mức độ ăn chia sau khi trộm cắp. Bị cáo S là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ. Còn bị cáo H, sau khi được bị cáo S rủ bị cáo đã đồng ý ngay, bị cáo là người trực tiếp điều khiển phương tiện, là người nảy sinh ý định vào đền Bể trộm cắp tài sản. Như vậy, hai bị cáo có vai trò ngang nhau.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu các bị cáo không chịu lao động mà lại trộm cắp tài sản của người khác, lợi dụng đêm tối, nơi thờ tự (đền) để thực hiện hành vi trộm cắp, hành vi của các bị cáo thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi các bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn H có đã bồi thường cho bị hại, bản thân bị cáo có thời gian tham gia quân đội, đại diện cho bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H, do đó bị cáo H được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù các bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nhưng cần phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo nói riêng và có tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói riêng, mức án của bị cáo S phải cao hơn mức án của bị cáo H và như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo lao động tự do,

không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn lại nghiện ma túy vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị H1 là người đã bán 01 xe đạp mini màu xanh cho bị cáo Nguyễn Văn S với giá 1.600.000 đồng, bà H1 không biết bị cáo dùng tiền trộm cắp để mua tài sản trên. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý bà Huyền là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Số tài sản mà các bị cáo trộm cắp có giá trị 13.160.000 đồng. Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền trên nên buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông S số tiền trên cho bị hại, kỷ phần hai bị cáo ngang nhau là phù hợp, được đối trừ đi số tiền bị cáo H đã bồi thường là phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ware Alpha màu trắng, biển kiểm soát 17B5-444.69 của bà Nguyễn Thị H2 mẹ đẻ bị cáo Nguyễn Văn H, bà H2 không biết các bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng xanh của bị cáo H, không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại bà Hà chiếc xe mô tô, trả lại bị cáo H chiếc điện thoại di động là phù hợp cần chấp nhận.

01 xe đạp mini màu xanh thu giữ của bị cáo S, do S dùng tiền trộm cắp để mua, là tài sản do phạm tội mà có nên tịch thu hóa giá, số tiền có được từ hóa giá được đối trừ đi phần bồi thường cho bị hại của bị cáo S là phù hợp.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 quần dài màu đen, 01 áo thu đông màu trắng có mũ và 01 áo thu đông màu xám, các tài sản này do S dùng tiền trộm cắp để mua; 01 áo khoác đen có mũ của bị cáo H mà các bị cáo dùng để bọc tiền trộm cắp và 01 kết sắt Việt Tiệp đã bị vỡ thu giữ của bị hại. Các tài sản này đã qua sử dụng, có giá trị không đáng kể, không thể dùng được nên cần tịch thu để tiêu hủy. Việc xử lý như trên là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 xà cây và 01 đục bằng kim loại là công cụ các bị cáo dùng để trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Đối với số tiền 1.600.000 đồng, bà Nguyễn Thị H1 bán xe mini cho bị cáo S, bà H1 đã tiêu hết số tiền trên nên không thu hồi được.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Trần Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo S thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo S là phù hợp với khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn S 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/11/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/11/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc các bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Lưu Kim S số tiền 13.160.000 đồng, kỷ phần mỗi bị cáo là 6.580.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*). Bị cáo H đã bồi thường xong.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu hóa giá 01 xe đạp mini màu xanh đã cũ, thu giữ của bị cáo S. Số tiền hóa giá được đối trừ đi phần nghĩa vụ bồi thường cho ông Lưu Kim S của bị cáo S.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 quần dài màu đen, 01 áo thun đông màu trắng có mũ và 01 áo thun đông màu xám, có mũ thu giữ của bị cáo S; 01 áo khoác màu đen thu giữ của bị cáo H và 01 kết sắt Việt Tiệp đã bị vỡ.

(Vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/01/2022 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn H pH chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn S.

6.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Văn H và đại diện cho bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;
- Trại giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã T, huyện P;
- UBND xã N, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)